



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
NĂM 2019**



**Vinacafé – Tinh túy vị thời gian hơn 50 năm qua...**

# MỤC LỤC BÁO CÁO

Giới thiệu tổng quan về Công ty  
Khái quát chung  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề sản xuất kinh doanh  
Hệ thống phân phối hàng hóa  
Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh  
Danh mục sản phẩm chủ lực của Công ty  
Thành tích Công ty đạt được trong năm 2019  
Cơ cấu tổ chức Công ty  
Công ty con, công ty liên kết  
Định hướng phát triển của Công ty

---

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

---

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng kết tình hình kinh doanh năm 2019  
Mục tiêu kinh doanh năm 2020  
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2020

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019  
Kế hoạch hoạt động năm 2020

---

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị  
Ban Kiểm soát  
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin Công ty  
Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất  
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



## PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

## A. KHÁI QUÁT CHUNG

### ❖ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA</b>
Tên viết bằng tiếng Anh	Vinacafé Bien Hoa Joint Stock Company
Tên viết tắt	VINACAFÉ BH
Mã chứng khoán	VCF
Sàn niêm yết chứng khoán	Sở Giao dịch Chứng khoán TP, HCM (HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 3600261626, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 14 vào ngày 28 tháng 02 năm 2020.
Vốn điều lệ	265.791.350.000 đồng
Số lượng cổ phần phát hành	26.579.135 cổ phần.

### ❖ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	0251.3836554
Website	<a href="http://www.vinacafebienhoa.com">www.vinacafebienhoa.com</a>

## B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



### *1968: Ông Marcel Coronel - Nhà máy cà phê Coronel*

Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

### *1975: Nhà máy cà phê Biên Hòa ra đời*

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình ông Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghiệp Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách “thuần phục” được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

### *1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên thành công*



Vào đúng dịp kỷ niệm 02 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

### ***1978: bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan ra nước ngoài***

---

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa về hàng đổi hàng, từ 1978 Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

### ***1983: ra đời thương hiệu Vinacafé***

---



Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, cái tên “Vinacafé” bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

### ***1990: quay trở lại chinh phục người tiêu dùng Việt Nam***

---

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha độn (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn đậu nành, ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

### ***1993: sản phẩm đầu tiên: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời***

---



Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

### ***1998: mở rộng sản xuất, xây dựng nhà máy cà phê thứ hai***

---



Năm 1998 đánh dấu cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc của Vinacafé Biên Hòa. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 02 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

### ***2004: Cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa được thành lập***

---

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đưa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là cán bộ công nhân viên của Nhà máy

Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Vinacafé BH”, “VCF”, “Vinacafé Biên Hòa”, “Công ty”). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

### ***2010: Trên đà phát triển, xây nhà máy thứ ba ở Khu Công nghiệp Long Thành***

---



Ngày 15/12/2010, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của Châu Âu.

Cùng trong năm này, vào tháng 11/2010, Công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

### ***2011: Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán***

---



Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Cũng trong năm này, vào tháng 9/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (tên Công ty viết tắt: Masan Consumer) đã chào mua công khai cổ phiếu VCF và trở thành công ty mẹ của VCF.

### ***2012: Hợp nhất hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer***

---



Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer tạo thành một hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý II/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý III/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) và bước đầu áp dụng hệ thống ERP này trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### ***2013: Vận hành dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành***

---

Vào quý II/2013, Công ty đã bắt đầu vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành. Năm 2014 vận hành chính thức và cung cấp cà phê hòa tan chuyên về Nhà máy Biên Hòa phối trộn theo công thức sản phẩm tạo cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1.

## 2014: Khẳng định vị trí hai thương hiệu chủ lực: Vinacafé và Wake-up,



Đầu tháng 3/2014: bằng cách thay đổi diện mạo bao bì mới, Công ty đã tái giới thiệu các sản phẩm cà phê sữa vàng truyền thống bao gồm: Cà phê hòa tan 3in1 Gold Original, Gold Gu đậm và Gold Gu đậm hơn, qua đó, khẳng định vị trí số 1 về cà phê hòa tan trên thị trường nội địa (chiếm 41% thị phần theo số liệu của Công ty nghiên cứu thị trường AC Nielsen 12/2014).



Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc từ cà phê, vào ngày 30/3/2014, Vinacafé Biên Hòa đã tung sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi chính thức bước chân vào ngành hàng nước giải khát với thị trường có tiềm năng rộng lớn.

Tháng 10/2014, Vinacafé Biên Hòa là thương hiệu cà phê duy nhất đại diện cho Việt Nam đồng hành cùng chương trình Tàu thanh niên Đông Nam Á và Nhật Bản tôn vinh giá trị Việt.

Đến năm 2017, nhãn hiệu Vinacafé của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ kết hợp cùng Hiệp hội nhãn hiệu quốc tế (INTA) chính thức công nhận là Nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam trong dự án bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam (Vinacafé là 1 trong 6 nhãn hiệu tại Việt Nam được công nhận).

Tháng 12/2018: Vinacafé được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2018-2020, đồng thời là một trong 20 doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 6 lần liên tiếp.



Tổng Giám đốc Nguyễn Tân Kỳ nhận cúp và bằng khen Thương hiệu quốc gia 2018-2020.



### C. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	1079 (chính)	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, - Sản xuất sữa tách bơ và bơ. - Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo.
2	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán lẻ ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
3	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán buôn ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: cho thuê nhà xưởng
5	1073	Sản xuất ca cao, sô cô la, mứt kẹo
6	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
7	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy pha cà phê
8	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì máy pha cà phê
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy pha cà phê

## D. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

**- Hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống;  
- 3.000 nhân viên bán hàng;  
- 08 trung tâm phân phối trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.**

Từ những năm 2012, khi trở thành công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage, gọi tắt là "Công ty Masan", hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa đã được tích hợp vào mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống rộng lớn của Masan. Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống, 3.000 nhân viên bán hàng phủ thị trường, 08 trung tâm phân phối đảm bảo phân phối hàng hóa trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Trên cơ sở thấu hiểu tính đặc thù chuyên biệt của việc phân phối đồ uống khác với phân phối hàng thực phẩm, Masan đã nhanh chóng xây dựng và phát triển một đội ngũ bán hàng dành riêng cho ngành hàng đồ uống cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Mạng lưới phân phối sâu, rộng, tăng trưởng vô cùng nhanh chóng và mạnh mẽ của Masan đã giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên

Hòa được bao phủ và tiếp cận thị trường sâu rộng nhất, đạt tốc độ tiếp cận thị trường rất nhanh, đặc biệt khi Công ty tung ra các sản phẩm mới và các sản phẩm khuyến mại.

Điểm đặc biệt chú ý, vào ngày 03/12/2019, Tập đoàn Masan và Tập đoàn Vingroup đã thỏa thuận nguyên tắc về việc hoán đổi cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM (Công ty sở hữu Công ty VinCommerce và Công ty VinEco) và cùng nhau tạo ra một Tập đoàn Hàng tiêu dùng – bán lẻ mới có sức cạnh tranh vượt trội và quy mô hàng đầu Việt Nam, sở hữu mạng lưới với hơn 2.600 siêu thị và cửa hàng VinMart & VinMart+ tại 60 tỉnh thành cả nước với hàng triệu khách hàng cùng kinh nghiệm 20 năm trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng từ Masan sẽ giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được tiếp cận người tiêu dùng một cách nhanh nhất.

Về mảng xuất khẩu, các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa càng ngày được bạn bè quốc tế đón nhận, yêu thích. Chúng tôi đã mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế đến nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Đài Loan,... bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình FSSC, BRC, Halal,...



*Vinacafé Chất Sài Gòn – một dòng sản phẩm cà phê hòa tan của Vinacafé Biên Hòa*

## **E. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Các nhà máy sản xuất được đặt tại:
  - Trụ sở chính Công ty: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nhà máy Biên Hòa).
  - Chi nhánh Nhà máy cà phê Biên Hòa II: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Nhà máy Long Thành).
  - Chi nhánh MSI- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Dĩ An, tỉnh Bình Dương.



*Cà phê rang xay Café De Nam – một sản phẩm được sản xuất tại Nhà máy Long Thành.*

## F. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

### *Cà phê hòa tan mang thương hiệu Vinacafé và Wake-up*

Là dòng sản phẩm chủ lực của Công ty ngay từ ngày đầu thành lập, lần đầu tiên ra mắt, sản phẩm cà phê hòa tan 3 trong 1 (với ba thành phần chính: cà phê, đường, bột kem) được người tiêu dùng đón nhận như một món quà vừa quen thuộc, vừa lạ lẫm khi có thể thưởng thức được ngay ly cà phê nguyên bản thơm ngon mà không cần chờ đợi từng giọt cà phê tí tách như pha phin mà vị ngon, vị đậm đà không hề thua kém – mở ra một bước đột phá và thành công mới cho Vinacafé Biên Hòa.



### *Cà phê rang xay mang thương hiệu Vinacafé (Café De Nam)*

Thuần khiết từ cà phê nguyên chất Robusta và Arabica 100% hảo hạng đem đến hương vị cà phê phin thuần khiết.



### *Ngũ cốc dinh dưỡng mang thương hiệu B'fast*

*Các loại hạt ngũ cốc có trong sản phẩm cung cấp protein (sắt, chất béo, vitamin) và năng lượng cần thiết; Giàu chất xơ tốt cho hệ tiêu hoá, giảm cholesterol xấu, ngăn ngừa nhiều bệnh tật, được xem là bữa ăn nhẹ đầy đủ dưỡng chất cho cả gia đình.*



### *Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247*

*Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247 là một sản phẩm mới độc đáo – tương cũ vì là sản phẩm nước tăng lực – nhưng lại mới khi nó có nguồn gốc từ cà phê. Ngoài việc chứa hàm lượng taurin giúp mang lại sự tỉnh táo cho người dùng như các sản phẩm tăng lực khác, thì việc kết hợp với cà phê mang lại hương vị thơm ngon dành cho người uống yêu thích cà phê, được xem là món thức uống nhanh được lựa chọn khá nhiều trong cuộc sống hiện đại.*



## G. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2019

### *Giấy chứng nhận về hệ thống quản lý*

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng.

Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã đạt các chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015;
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe và Bệnh nghề nghiệp OHSAS 18001: 2007;
- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA8000:2014;
- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2011;
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000;
- Giấy chứng nhận Halal Jakim theo tiêu chuẩn MS 1500:2009;
- Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao - chuẩn hội nhập năm 2018;
- Giấy chứng nhận đăng ký FDA (Hoa Kỳ);
- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC).

### *Giải thưởng đạt được trong năm qua*

1. Vinacafé Biên Hòa được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2018-2020, đồng thời là một trong 20 doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 6 lần liên tiếp;
2. Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống năm 2019;
3. Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập, ngành hàng thực phẩm.
4. Giải thưởng Chất lượng Đồng Nai (Giải vàng năm 2019).
5. Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống năm 2019.



Hình ảnh đại diện của Công ty lên nhận giải thưởng Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống năm 2019.

Đây là một chứng nhận uy tín do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông công bố dựa trên kết quả nghiên cứu độc lập và khách quan của Vietnam Report. Vinacafé Biên Hòa liên tục 3 năm liên tiếp được công nhận Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống.

## H. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
  2. Hội đồng Quản trị;
  3. Ban Kiểm soát;
  4. Ban Điều hành;
  5. Các Phòng ban chức năng.
- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông cũng bầu ra Ban Kiểm soát, giúp Đại hội đồng Cổ đông kiểm soát nội bộ công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và 03 nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 6 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2015 đến năm 2020.
- Để giám sát hoạt động tài chính của Công ty, đại diện cho cổ đông giám sát tính hợp pháp các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, bảo vệ quyền lợi cho Công ty và cổ đông. Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm 03 thành viên, trong đó cả 03 thành viên đều có trình độ chuyên môn về tài chính, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Ban Kiểm soát là từ năm 2015 đến năm 2020.
- Ban Điều hành Công ty bao gồm 03 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuyên môn, 01 Kế toán trưởng), hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## I. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

✚ **Công ty con:** Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây tên là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN), địa chỉ trụ sở chính: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

✚ **Công ty liên kết:** Không có.

## J. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

### Kế hoạch 10 năm 2015-2025:

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống có nguồn gốc từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ, WAKE-UP rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Trong 05 năm tới, bằng khát vọng tiên phong và chiến lược phát triển kinh doanh bền vững, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc sở hữu thương hiệu Vinacafé - giá trị di sản văn hóa Việt - chúng tôi sẽ luôn giữ trọn vẹn thương hiệu đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại hơn 50 năm qua, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới, trở thành biểu tượng của cà phê Việt Nam để người tiêu dùng trên khắp thế giới khi nhắc đến cà phê Việt Nam sẽ nghĩ đến Vinacafé.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp lớn, sở hữu nhiều thương hiệu mạnh, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng khắp thế giới bằng sản phẩm chủ lực là cà phê và các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê chất lượng cao, giá cả hợp lý trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ giá trị cốt lõi của Công ty. Đồng thời, Vinacafé Biên Hòa cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động, các chủ sở hữu:

- Đối với người tiêu dùng là tạo niềm tin của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Đối với xã hội và môi trường là sự đảm bảo các trách nhiệm về việc giữ vững môi trường thân thiện và phát triển bền vững.
- Đối với người lao động và các chủ sở hữu là luôn đảm bảo lợi ích các cổ đông và tính nhân văn.

Với hình ảnh của doanh nghiệp như trên đã giúp cho toàn thể nhân viên của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa luôn ý thức được trách nhiệm của họ trong việc góp phần tạo nên sự phát triển cho Công ty, cùng kề vai sát cánh đóng góp sức lực của mình đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn cùng với niềm tự hào được làm việc tại Công ty có truyền thống lâu đời.



## **Các giải pháp chiến lược:**

### **Về sản xuất:**

- Đầu tư thiết bị máy móc mới, hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động. Kiểm soát tốt chi phí theo định mức.
- Cải tiến hệ thống thiết bị máy móc sẵn có, điều chỉnh thông số kỹ thuật máy để phù hợp với chương trình sản xuất hiện tại.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, theo đó, cùng với việc giữ vững sản phẩm cả phê truyền thống, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê.

### **Về nguồn nhân lực:**

- Luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Tuyển dụng nhân tài có chuyên môn giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng, chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, giỏi nhằm mang tính kế thừa.
- Chú trọng công tác đào tạo nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công, nhân viên Công ty.
- Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp cũng như giữ vững sự gắn bó, gắn kết của người lao động với Công ty.

### **Về thị trường kinh doanh:**

- Tối ưu hóa thế mạnh của hệ thống phân phối rộng lớn của Masan, Đẩy mạnh phân phối hàng bằng kênh siêu thị, chợ nhỏ lẻ.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng để thực hiện phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại ngày càng tốt hơn.
- Mở rộng đối tượng tiêu dùng phân khúc bình dân.
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng mà sản phẩm Công ty chưa thâm nhập được, đẩy mạnh phân phối hàng ở các thị trường quốc tế hiện tại.
- Công nghệ số hóa trong quản lý doanh nghiệp.



## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

## A, TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

### 1. Bối cảnh tình hình cà phê hòa tan trong nước năm 2019:

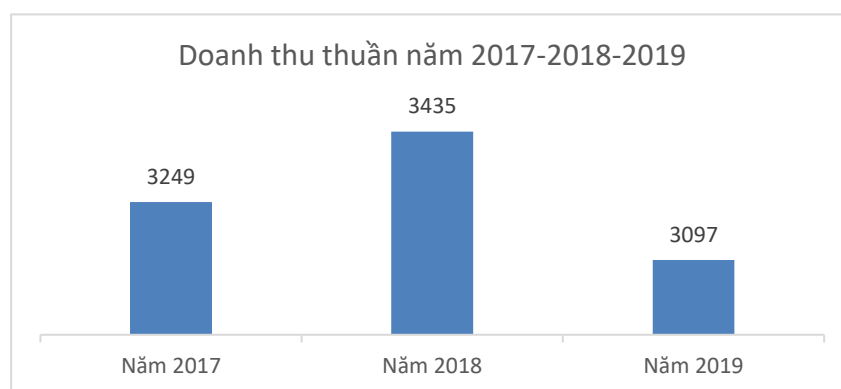
- Những năm gần đây, số lượng công ty sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cà phê hòa tan tại thị trường trong nước phát triển mạnh, gây khó khăn cho việc giữ vững và mở rộng thị phần của công ty. Ví dụ điển hình là năm 2019, năm mà ngành cà phê hòa tan hầu như không tăng trưởng và gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất cà phê trong nước bởi tính cạnh tranh gay gắt ngay trên sân nhà. Thị trường cà phê hòa tan đang dần trở thành thị trường bão hòa đối với các Công ty sản xuất cà phê trong và ngoài nước trong bối cảnh người tiêu dùng Việt Nam đang hình thành thói quen uống cà phê mỗi ngày bên cạnh các sản phẩm đồ uống nhanh khác. Vì lẽ đó, thay vì bán hạt cà phê robusta thô xuất khẩu để các công ty nước ngoài chế biến cà phê hòa tan như trước đây, nhiều công ty cà phê Việt Nam đã bắt đầu có kế hoạch và thực hiện việc sản xuất cà phê hòa tan mang thương hiệu của mình ngay tại thị trường nội địa. Bên cạnh đó phải kể đến sự thâm nhập thị trường cà phê Việt Nam của các công ty đa quốc gia có lợi thế về nguồn tài chính, công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm và hệ thống phân phối ở thị trường nước ngoài như: Nestle, Starbucks, MacCoffee... hoặc chuỗi cửa hàng cà phê mang phong cách hiện đại như Phúc Long Tea, Coffee House, Highland...
- Nhiều loại sản phẩm nước giải khát uống liền mới ra đời với mong muốn thay thế vị trí của cà phê như trà xanh uống liền, trà bí đao, nước ép đóng lon và cả cà phê đóng lon.

### 2. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm:

- Bên cạnh khó khăn trên, hoạt động trồng cà phê tại các vùng nguyên liệu chính của Vinacafé Biên Hòa hiện vẫn chưa được quan tâm đúng mức để duy trì chất lượng hạt cà phê và cải thiện năng suất, lại thêm sự bất ổn về giá cà phê trên thế giới dẫn đến giá cà phê nhân trong 05 năm trở lại đây luôn tăng, không ổn định, ảnh hưởng đến đầu vào, trữ hàng nguyên liệu và giá thành sản phẩm của Công ty năm vừa qua.
- Kết thúc năm 2019, Vinacafé Biên Hòa đạt 3.097 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất và 681 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty.

#### ➤ Doanh thu thuần:

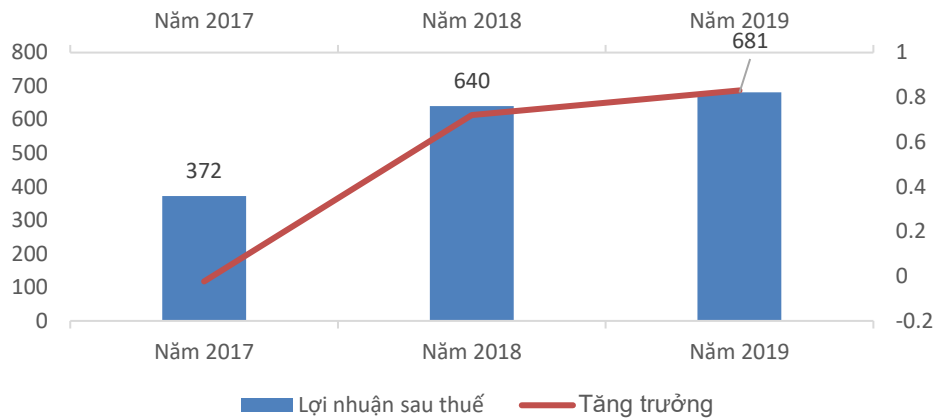
Đạt mức 3.097 tỷ đồng tương đương 88% so với kế hoạch (mức thấp); giảm 10% so với doanh thu thuần năm 2018.



#### ➤ Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty:

Đạt 681 tỷ đồng tương đương 105% so với kế hoạch (mức thấp); tăng 6% so với lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty năm 2018.

Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông  
năm 2017-2018-2019



- Ở chiến lược hoạch định phát triển, trong khi nhóm cà phê mang thương hiệu Vinacafé và Wake-up được đặt mục tiêu TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VÀ GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU thì dòng sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Coffee Wake-up 247 lại được đặt kỳ vọng ĐẨY MẠNH VÀ MỞ RỘNG. Năm 2019, nếu so sánh cơ cấu tăng trưởng giữa hai mặt hàng chủ lực là cà phê hòa tan và nước tăng lực Wake-up 247 thì rõ ràng cà phê hòa tan đã giảm lợi thế do ảnh hưởng tình hình chung của ngành cà phê. Lúc này nước tăng lực Wake-up 247 được xem là điểm sáng nổi bật, động lực tăng trưởng của Công ty. Ra mắt từ năm 2014, Wake up 247 được định vị ở phân khúc thức uống nhanh (nước tăng lực) nhanh chóng đạt kết quả khả quan sau 5 năm liên tăng trưởng ổn định và đến 2019, Wake-up 247 tiếp tục đã tăng trưởng 20% về sản lượng tiêu thụ so với năm 2018.



## B. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Ban điều hành: Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm 04 thành viên.

---

1. Họ và tên: Đoàn Quốc Hưng

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1972

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cổ phần: 0%

---

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1969

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cổ phần: 0%

---

3. Họ và tên: Phan Thị Thúy Hoa

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1977

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Tỷ lệ cổ phần: 0%

---

### 2. Chính sách lao động:

Những thành công mà Vinacafé Biên Hòa đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất, đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn. Ngược lại, Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công.

Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty có 286 cán bộ công nhân viên, trong đó có 68 nữ, chiếm 24 % lao động toàn Công ty.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ như sau:

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học, trên Đại học	99	34,61%
Cao đẳng, cao đẳng nghề	38	13,28%
Trung cấp, trung cấp nghề	83	29,02%
PTTH, THCS (*)	66	23,09%

*Ghi chú:*

*(\*) tỷ lệ lao động PTTH, THCS chủ yếu bao gồm lao động trực tiếp thực hiện công việc đóng gói, kho hàng, lái xe, nhân viên vệ sinh, ...*

---

### Về điều kiện làm việc:

Văn phòng, nhà xưởng của Công ty ở cả 03 nhà máy đều rộng rãi, thoáng mát, trang bị máy móc thiết bị hiện đại tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên làm việc và sáng tạo.

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khỏi văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong cán bộ, công nhân viên (hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày quốc tế thiếu nhi,...).
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc tại Công ty.

Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2019, bộ phận An Toàn- sức khỏe- môi trường của Công ty đã tổ chức huấn luyện 10.000 giờ về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu cho người lao động.



*Buổi học nội bộ về an toàn lao động tại Nhà máy Long Thành*



*Buổi diễn tập Phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy Biên Hòa*



*Buổi SHE TALK tại nhà máy Biên Hòa – buổi họp chia sẻ, phổ biến các quy định mới của Công ty về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, ...*

Về bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty có mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần, khám sức khỏe định kỳ.



Hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty được thực hiện hàng năm.

**C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: không.**

**D. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (tỷ VNĐ)	Năm 2018 (tỷ VNĐ)	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.225	2.217	0,4%
2	Doanh thu thuần	3.097	3.435	-10%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	798	777	3%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	791	776	1,9%
5	Lợi nhuận thuần sau thuế	678	637	6%
6	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	681	640	6%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng/ giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	2,12	1,94	9%
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	1,85	1,61	15%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ tổng tài sản	35%	37%	-2%
	+Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	54%	58%	-4%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	9,29	9,47	-2%
	+Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1,39	1,18	18%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	22%	19%	3%
	+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	48%	59%	-11%
	+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	26%	23%	3%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	31%	22%	9%



## E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### ❖ CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	26.579.135
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.579.135
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có

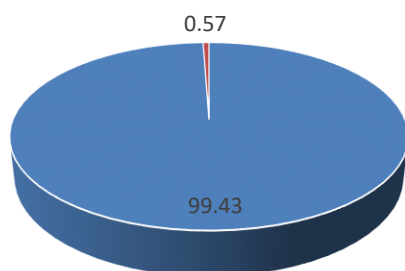
### ❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông của Công ty: 398 cổ đông (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2020 cấp bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam), nắm giữ 26.579.135 cổ phần của Công ty,
- Cơ cấu cổ đông:  
Trong 398 cổ đông, có 338 cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước và 60 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài với số lượng cổ phần cụ thể như sau:

Trong nước: 26.428.287 cổ phần.

Nước ngoài: 150.848 cổ phần.

Tỷ trọng cổ phần của cổ đông trong nước và nước ngoài (%)



■ Trong nước ■ Nước ngoài

- **Cổ đông lớn:** Công ty có 01 cổ đông lớn, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	26.178.135	98,49%

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.**

## F. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội luôn là tiêu chí quan trọng của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh. Đối với Vinacafé Biên Hoà, chúng tôi luôn xác định Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi biết kết hợp tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Vinacafé Biên Hoà luôn chấp hành tốt ý thức bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật và là thành viên của Hội bảo vệ thiên nhiên – môi trường tỉnh nhà.

### ***Đối với trách nhiệm với môi trường:***

- *Về sử dụng nguồn nguyên liệu:* Công ty thực hiện việc sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng như ký kết Hợp đồng với đơn vị cung cấp thu gom bã, trấu, vỏ cà phê để sản xuất phân bón, tái chế,...
- *Về sử dụng năng lượng:* Kiểm soát nguồn năng lượng chặt chẽ, đánh giá nguồn năng lượng hiện tại và đề ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng bằng việc xây dựng, duy trì và luôn cải tiến Hệ thống quản lý nguồn năng lượng ISO 50001:2011.
- *Về sử dụng nguồn nước:* Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất, Hiện nay, một phần lượng nước thải ra tại nhà máy Long Thành sau khi được xử lý đạt chuẩn A đã được sử dụng để tưới cây trong khuôn viên nhà máy.
- *Về quản lý nguồn rác thải rắn và chất thải nguy hại:* Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, Công ty giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hoặc tái chế, Đối với chất thải nguy hại, Công ty thực hiện việc lưu trữ theo đúng quy định và giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Chúng tôi cũng được cấp chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- *Về nguy cơ cháy nổ:* trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, lập phương án phòng cháy chữa cháy, thiết lập hệ thống báo cháy tự động tại các khu vực trong văn phòng và nhà máy, định kỳ kết hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy của Công ty cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp giáo dục, tuyên truyền ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên.
- *Về môi trường làm việc:* Xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Trong năm vừa qua, công tác xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, khoa học được tập thể Công ty hết sức quan tâm, cụ thể chương trình 5S được triển khai và thực hiện triệt để tại các bộ phận phòng ban toàn Công ty (chú ý nhất đến khu vực xưởng sản xuất) góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.



Các góc xanh nhỏ ngay trong khu vực sản xuất của Công ty (nhà máy Biên Hòa)



*Khuôn viên cây xanh tại Nhà máy Long Thành*



*Những trái cà phê chín đỏ được trồng tại khuôn viên Nhà máy Long Thành.*

**Đối với trách nhiệm với cộng đồng xã hội:**

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động thăm hỏi, động viên kịp thời người lao động khi có việc hiếu, hỷ, ốm đau; nâng cao trình độ chuyên môn; tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, công bằng; tổ chức chăm lo sức khỏe cho người lao động.
- Bảo vệ môi trường khu vực xung quanh.
- Đóng góp, tài trợ các chương trình, hoạt động xã hội từ thiện do tổ chức ban ngành tổ chức.

Năm	Năm 2018	Năm 2019
Kinh phí từ thiện, hoạt động xã hội (đồng)	110.000.000	265.000.000



**XÃ CẨM MỸ, HUYỆN CẨM MỸ**

- Đối tượng : Hộ nghèo khó khăn về nhà ở
- Hình thức: Trao nhà tình thương
- Trị giá: 90.000.000 đồng. (Khởi thi đua 16 Đồng Nai – Gồm Vinacafe và một số doanh nghiệp trên địa bàn – Vinacafe đóng góp 15tr.)
- Ngày trao: 27/12/2019



**ĐỊA ĐIỂM: TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN ĐÔNG- HUYỆN CẨM MỸ- ĐỒNG NAI**

- Đối tượng: Trẻ em nghèo hiếu học



### **PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

## TẦM NHÌN

*Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người Việt Nam và toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.*

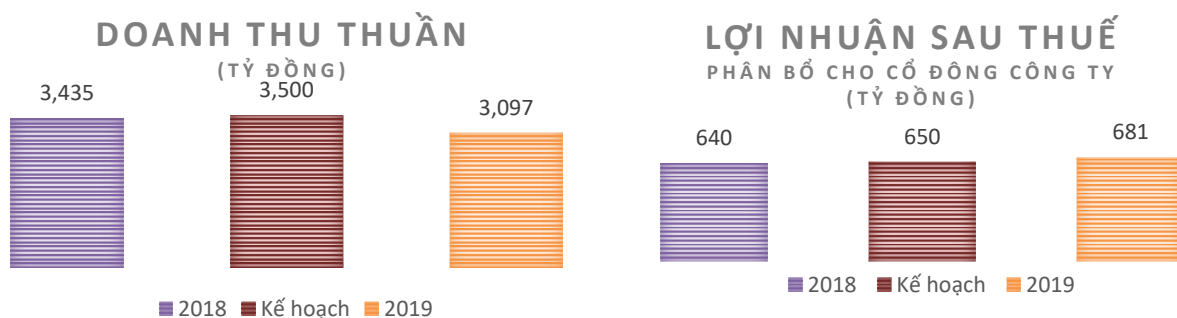
### A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019 là một năm không thuận lợi đối với Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hoà (VCF) trong bối cảnh ngành hàng cà phê hòa tan hầu như không tăng trưởng. Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu, các chương trình tung sản phẩm mới của marketing và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, chúng ta đã hoàn thành chỉ tiêu quan trọng trong kinh doanh, đó là lợi nhuận. Cụ thể, về doanh thu chúng ta đã đạt mức doanh thu thuần 3.097 tỷ tương đương 88% so với kế hoạch và giảm 10% so với doanh thu thuần năm 2018. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty đạt 681 tỷ đồng tương đương 105% so với kế hoạch và cao hơn 6% so với kết quả kinh doanh năm 2018.

	Đvt	2018	2019	Biến động	
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	3.435	<b>3.097</b>	-338	-10%
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty</b>	Tỷ đồng	640	<b>681</b>	41	<b>6%</b>

		Kế hoạch	2019	Thực hiện kế hoạch	
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	3.500	3.097	-403	-12%
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty</b>	Tỷ đồng	650	681	31	5%



*Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2019:*

1. Tiếp tục mô hình “**xây dựng thương hiệu**” phân phối thông qua hệ thống phân phối chuyên biệt và rộng lớn của Masan Consumer cho thấy những ưu điểm vượt trội về khả năng phân phối nhất là ở vùng nông thôn trên cả 2 phương diện bao phủ rộng và tốc độ tiếp cận thị trường nhanh chóng.
2. Nước tăng lực vị cà phê Wake-up 247 là điểm sáng nổi bật nhất, động lực tăng trưởng chính trong một năm mà thị trường không thuận lợi, Wake-up 247 tiếp tục đà tăng trưởng 20% về sản lượng tiêu thụ so với năm 2018 minh chứng rõ ràng và thuyết phục cho quyết định của công ty đầu tư vào lĩnh vực nước giải khát có nguồn gốc cà phê là hoàn toàn chính xác.

3. Những nỗ lực tối ưu hóa về năng lượng và chi phí sản xuất thông qua các chương trình cải tiến và kiểm soát tốt giá nguyên liệu giúp cải thiện biên lãi gộp lên 3%.
4. Năm 2019 Vinacafé Biên Hòa vinh dự là Doanh nghiệp đạt TOP 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống và giải Vàng chất lượng của tỉnh Đồng Nai.
5. Vinacafé Biên Hòa luôn cập nhật và duy trì các hệ thống quản lý và chất lượng tiên tiến như: BRC, FSSC 22000, ISO 14001-2015, ISO 50001-2011, OHSAS 18001-2007, SA 8000-2014, FDA, Halal để sẵn sàng cho việc thâm nhập các thị trường khó tính, yêu cầu cao như EU và Bắc Mỹ.
6. EPS và thị giá cùng cao nhất thị trường: EPS đạt 25.615 đồng. Thị giá 200.000 đồng.

## B. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2020

Dự báo tài chính của chúng tôi vẫn đang được phát triển để phù hợp những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam bị ảnh hưởng do hậu quả của đại dịch COVID-19. Mặc dù chúng tôi tin vào các nền tảng cơ bản của người tiêu dùng Việt Nam sẽ có xu hướng thay đổi sang các sản phẩm có thương hiệu và an toàn hơn, chúng tôi vẫn chưa thể ước tính các tác động ngắn hạn của đại dịch COVID-19 đối với hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi sẽ trình kế hoạch kinh doanh năm 2020 được cập nhật mới nhất cho cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hiện đang bị tạm hoãn bởi đại dịch COVID-19 theo đúng quy định.

## C. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

1. Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển phẩm mới, đáp ứng “các nhu cầu chưa được thỏa mãn” của người Việt Nam
2. Giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành cà phê hòa tan với hai nhãn hiệu chủ lực là Vinacafe’ và Wake-Up.
3. Biến nước tăng lực vị café Wake-up 247 và Compact Cherry (nhãn hàng của Masan) trở thành cột trụ tăng trưởng chính của ngành đồ uống thông qua việc xây dựng thương hiệu và gia tăng độ phủ.
4. Thâm nhập sâu rộng hơn và mở rộng danh mục sản phẩm cho thị trường xuất khẩu
5. Tối đa hóa công suất và năng lực sản xuất của các nhà máy café hòa tan để tối ưu giá thành và nâng cao biên lãi gộp. Tìm hiểu, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao tỷ lệ thu hồi trong quá trình sản xuất.
6. Đặt trọng tâm vào người tiêu dùng thông qua 3 tôn chỉ Affordability, Availability & Assurance of Quality – Giá cả hợp lý, tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc, mọi nơi và đảm bảo chất lượng.



## **PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

### 1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2019

Năm 2019 được đánh giá là một năm khó khăn đối với thị trường cà phê hòa tan nói chung và Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa nói riêng. Khép lại năm 2018 với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, tập thể Vinacafe Biên Hòa đã đạt:

➤ Doanh thu thuần:

Đạt mức 3.097 tỷ đồng tương đương 88% so với kế hoạch; giảm 10% so với doanh thu thuần năm 2018.

➤ Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty:

Đạt 681 tỷ đồng tương đương 105% so với kế hoạch, cao hơn 6% so với kết quả kinh doanh năm 2018.

### 2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 3. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Vinacafé Biên Hòa đã tiến hành họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và đã quyết định các vấn đề sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	01/3/2019	Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2	02/2019/NQ-HĐQT	29/3/2019	Thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3	03/2019/NQ-HĐQT	29/3/2019	Phê duyệt việc gia hạn thời gian thực hiện dự án của Công ty.
4	04/2019/NQ-HĐQT	16/4/2019	Phê duyệt việc thay đổi Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5	05/2019/NQ-HĐQT	23/12/2019	Phê duyệt việc Công ty tái ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

## II- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

### Mục tiêu năm 2020

Thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các Công ty, doanh nghiệp trên cả nước nói chung và Vinacafé Biên Hòa nói riêng đều rất khó khăn do chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch cúm Covid 19. Trong thời gian này, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đốc toàn bộ tâm, lực để vừa điều hành sản xuất cung cấp sản phẩm ra thị trường vừa thực hiện đầy đủ các biện pháp chống dịch, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho nhà máy, cán bộ công nhân viên. Sau khi Chính phủ kiểm soát được dịch bệnh, hoạt động kinh doanh trở lại bình thường, Công ty sẽ báo cáo kế hoạch kinh doanh 2020 và chiến lược kinh doanh phù hợp.

### Các định hướng chiến lược:

- Vinacafé Biên Hòa tiếp tục đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Đẩy mạnh ngành hàng nước giải khát dựa trên sản phẩm chủ lực là cà phê.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê, các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.



*Ông Phạm Quang Vũ- Chủ tịch HĐQT- đại diện Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa và Công ty Bình Điền cùng trao tặng cà phê giống cho các hộ tại buôn Kotam, xã Ea Tu đã tham gia chương trình Hỗ trợ Phát triển Cà phê Buôn Ma Thuột.*



## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

## A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Danh sách và cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị:

Ngày 21/4/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã quyết định Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 06 thành viên cho nhiệm kỳ mới năm 2015-2020. Trải qua nhiều thời điểm, tính đến thời điểm báo cáo, danh sách thành viên Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm:

---

1. Họ và tên: Phạm Quang Vũ

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1959

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

---

2. Họ và tên: Trương Công Thắng

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1973

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

---

3. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yến

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1963

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

---

4. Họ và tên: Phạm Hồng Sơn

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1963

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

---

5. Họ và tên: Phạm Đình Toại

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1967

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

---

6. Họ và tên: Nguyễn Nam Hải

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1956

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

---

### 2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa, chức danh mà các Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác.

#### ❖ Ông Phạm Quang Vũ:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.

- Chức danh nắm giữ tại công ty khác: không.

#### ❖ Ông Trương Công Thắng:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.

- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:

➤ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Masan Brewery;
- Thành viên Ban Giám đốc Masan Consumer (Thailand) Limited;
- Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM;
- Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Thương mại tổng hợp VinCommerce;
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco.

❖ **Bà Nguyễn Hoàng Yến:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
  - Thành viên Hội đồng quản trị của các Công ty: Công ty Cổ phần Masan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo;
  - Phó Tổng giám đốc: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
  - Thành viên Hội đồng quản trị và Phó Tổng Giám đốc: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Công ty Cổ phần Masan PQ (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San PQ);
  - Chủ tịch Hội đồng thành viên: Công ty TNHH Cát Trắng;
  - Chủ tịch công ty: Công ty TNHH một thành viên Nam Ngư Phú Quốc.
  - Chủ tịch Công ty: Công ty TNHH Masan Long An.

❖ **Ông Phạm Hồng Sơn:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
  - Phó Tổng Giám đốc: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo; Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha; Công ty Cổ phần Masan JinJu (trước đây là Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn);
  - Chủ tịch Công ty: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan; Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến; Công ty TNHH Một thành viên Masan HD; Công ty TNHH Một thành viên Masan MB; Công ty TNHH Một thành viên Masan HG.
  - Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage;
  - Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;
  - Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Masan HPC.

❖ **Ông Phạm Đình Toại:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 98,49%, trong đó:
  - + Cá nhân sở hữu: 0%
  - + Đại diện sở hữu cho tổ chức – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage: 98,49%
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
  - Thành viên Ban kiểm soát: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
  - Thành viên Hội đồng quản trị: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo; Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;

- Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce.

❖ **Ông Nguyễn Nam Hải:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:
  - Thành viên Hội đồng quản trị: Công ty Cổ phần Giám định chất lượng Cà phê và hàng hoá Xuất Nhập Khẩu;
  - Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Ca Cao Việt Nam;
  - Phó Chủ tịch Hiệp hội Hồ Tiêu Việt Nam.

**3. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.**

**4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

Là cơ quan quản trị Công ty, thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giám sát, hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh phát triển Công ty, trong năm qua, Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng và luôn sát sao theo dõi tình hình hoạt động của Công ty và có các quyết định đúng đắn, kịp thời.

Thông qua các cuộc họp hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, Hội đồng Quản trị luôn quan tâm các báo cáo đánh giá hoạt động tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và kịp thời chỉ đạo các giải pháp trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Hội đồng Quản trị cũng luôn kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty. Đại diện Ban kiểm soát luôn được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nhằm qua đó Hội đồng Quản trị và Ban điều hành có cơ hội trao đổi trực tiếp, cùng nhau bàn bạc, đóng góp ý kiến cũng như tiếp thu, ghi nhận ý kiến, đề xuất của Ban kiểm soát.

**5. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành:**

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành Công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của Công ty.

**6. Hoạt động giám sát thường xuyên của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc:**

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

**B. BAN KIỂM SOÁT**

**1. Danh sách và cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát:**

Ngày 21/4/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã quyết định Ban kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên cho nhiệm kỳ mới năm 2015-2020, Trải qua

nhiều thời điểm, tính đến thời điểm báo cáo, danh sách thành viên Ban Kiểm soát Công ty bao gồm:

---

1. Họ và tên: Huỳnh Thiên Phú  
Giới tính: Nam  
Năm sinh: 1981  
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

---

---

2. Họ và tên: Nguyễn Thành Luân  
Giới tính: Nam  
Năm sinh: 1985  
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

---

---

3. Họ và tên: Nguyễn Công Tuấn  
Giới tính: Nam  
Năm sinh: 1991  
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

---

#### 4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa:

STT	Tên thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Ông Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS	-
2	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên	-
3	Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên	-

#### 5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019:

Năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện những nội dung công việc chính sau:

##### **A. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019**

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã thực hiện những nội dung công việc chính sau:

- Thực hiện công tác giám sát các hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”).
- Xem xét và đánh giá báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và kết thúc năm 2019.
- Kiểm soát các hoạt động có thể dẫn đến rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### **B. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2019.
- Hội đồng Quản trị đã quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty tuân thủ qui định Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

##### **C. Hoạt động của Ban Điều hành và thẩm định Báo cáo tài chính**

- Trong năm 2019, Ban điều hành đã có những hành động và chiến lược trong hoạt động sản xuất kinh doanh để Công ty đạt kết quả khả quan.

- Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2019 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b> (tỷ VNĐ)	<b>Năm 2018</b> (tỷ VNĐ)	<b>Tăng/(giảm)</b> (tỷ VNĐ)	<b>%</b>
Doanh thu thuần	3.097	3.435	(338)	-10%
Giá vốn hàng	2.233	2.594	(361)	-14%
Lợi nhuận gộp	864	841	23	3%
Chi phí bán hàng	17	33	(16)	-48%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39	46	(7)	-15%
Lợi nhuận tài chính	(10)	15	(25)	-167%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	678	637	41	6%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty	681	640	41	6%

	<b>Năm 2019</b> (VNĐ/cổ phiếu)	<b>Năm 2018</b> (VNĐ/cổ phiếu)	<b>Tăng</b> (VNĐ/cổ phiếu)	<b>%</b>
EPS	25.615	24.076	1.539	6%

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện</b> <b>2019</b> (tỷ VNĐ)	<b>Kế hoạch</b> <b>2019<sup>(*)</sup></b> (tỷ VNĐ)	<b>So với kế</b> <b>hoạch</b> (tỷ VNĐ)	<b>%</b>
Doanh thu thuần	3.097	3.500	-403	-12%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty	681	650	31	5%

- Doanh thu thuần năm 2019 đạt 3.097 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch 2019. Kết quả thực hiện Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2019 đạt 681 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2018 và tăng 5% so với kế hoạch 2019 (mức thấp).
- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định về những vấn đề chính yếu của Công ty nhằm triển khai thực hiện kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh trung thực hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- Trong năm 2019, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị của cổ đông liên quan đến Hội đồng Quản trị, BKS và Ban điều hành.

(\* ) Kế hoạch: là số mức thấp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019



#### **D. Mối quan hệ của Ban điều hành và Người lao động**

- Ban điều hành và Người lao động luôn đặt trọng tâm vào kết quả sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc, thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ, đúng chế độ qui định như: Chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thi đua khen thưởng v.v...

#### **E. Kết luận**

- Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, BKS thống nhất ý kiến với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.
- Hội đồng Quản trị và BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS làm việc theo đúng chức năng mà luật pháp và điều lệ của Công ty đã quy định.

#### **F. Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2020**

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2019 và trình Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 báo cáo hoạt động của BKS năm 2020.
- Căn cứ vào nghị quyết ĐHCĐ năm 2020, xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

### **C. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

#### **1. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2019:**

##### **❖ Chi phí hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị và từng thành viên:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chi phí hoạt động năm 2019 (VND) (*)</b>
1.	Phạm Quang Vũ	Chủ tịch	1.800.000.000
2.	Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên	-
3.	Phạm Hồng Sơn	Thành viên	-
4.	Phạm Đình Toại	Thành viên	-
5.	Trương Công Thắng	Thành viên	-
6.	Nguyễn Nam Hải	Thành viên	240.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.040.000.000</b>

##### **❖ Chi phí hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát và từng thành viên:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chi phí hoạt động năm 2019 (VND) (*)</b>
1.	Ông Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS	-
2.	Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên	-
3.	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>

*Ghi chú: (\*) Các ông bà gồm Nguyễn Hoàng Yến, Trương Công Thắng, Phạm Hồng Sơn, Phạm Đình Toại, Huỳnh Thiên Phú, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Công Tuấn có văn bản từ chối nhận thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát tại Công ty.*

**2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.**

**3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với Công ty):**

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây: Công ty đã phát sinh các giao dịch mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu nội bộ, tài sản cố định, chia sẻ chi phí, cho vay, nhận bảo lãnh, xúc tiến thương mại, chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu với các công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc.
- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: không có.
- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

**PHẦN 6:**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019 ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam**



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa  
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600261626

ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 2 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Phạm Quang Vũ	Chủ tịch
Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên
Trương Công Thắng	Thành viên
Phạm Đình Toại	Thành viên
Phạm Hồng Sơn	Thành viên
Nguyễn Nam Hải	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 4 năm 2019) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 4 năm 2019)
Nguyễn Tân Kỳ	Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 4 năm 2019)
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1  
Phường An Bình  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VINACAFÉ  
BIÊN HÒA  
Đoàn Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 7 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00433-20-2



Trương Vinh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2020



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.651.014.347.917</b>	<b>1.571.368.435.414</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>218.388.319.710</b>	<b>195.173.528.412</b>
Tiền	111		51.388.319.710	15.173.528.412
Các khoản tương đương tiền	112		167.000.000.000	180.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.214.118.987.237</b>	<b>1.095.156.431.326</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	1.208.801.211.350	1.090.496.821.395
Trả trước cho người bán	132		2.281.018.986	3.520.367.530
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.036.756.901	1.139.242.401
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>209.196.938.479</b>	<b>271.748.037.674</b>
Hàng tồn kho	141		210.187.420.104	273.042.057.465
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(990.481.625)	(1.294.019.791)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.310.102.491</b>	<b>9.290.438.002</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		799.744.651	628.537.330
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.510.357.840	8.661.900.672

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>574.314.489.337</b>	<b>645.268.101.344</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>524.528.739.209</b>	<b>595.438.965.445</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	524.004.084.537	594.690.599.917
<i>Nguyên giá</i>	222		1.088.800.433.070	1.081.459.964.788
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(564.796.348.533)	(486.769.364.871)
Tài sản cố định vô hình	227	10	524.654.672	748.365.528
<i>Nguyên giá</i>	228		2.180.358.879	2.180.358.879
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.655.704.207)	(1.431.993.351)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.699.576.081</b>	<b>4.330.935.678</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.699.576.081	4.330.935.678
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.081.174.047</b>	<b>45.493.200.221</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.722.086.182	22.559.571.091
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	9.921.085.871	2.778.016.428
Lợi thế thương mại	269	14	17.438.001.994	20.155.612.702
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.225.328.837.254</b>	<b>2.216.636.536.758</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*


**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>783.257.864.116</b>	<b>814.442.496.273</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>778.141.786.866</b>	<b>807.942.804.312</b>
Phải trả người bán	311	15	295.275.392.610	351.380.171.841
Người mua trả tiền trước	312		1.433.428.343	7.436.439.795
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	82.164.306.392	42.871.542.088
Chi phí phải trả	315	17	27.621.771.870	38.730.387.959
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	5.208.349.357	3.844.999.839
Vay ngắn hạn	320	19	345.406.640.836	342.647.365.332
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.031.897.458	21.031.897.458
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.116.077.250</b>	<b>6.499.691.961</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	279.450.000	95.089.961
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.836.627.250	6.404.602.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.442.070.973.138</b>	<b>1.402.194.040.485</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.442.070.973.138</b>	<b>1.402.194.040.485</b>
Vốn cổ phần	411	20	265.791.350.000	265.791.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		943.676.859.714	900.756.030.882
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		262.856.790.882	260.832.034.286
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		680.820.068.832	639.923.996.596
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(10.882.327.491)	(7.838.431.312)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.225.328.837.254</b>	<b>2.216.636.536.758</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

  
 Phan Thị Thúy Hoa  
 Kế toán Trưởng

  
 ĐOÀN QUỐC HƯNG  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>3.102.829.367.605</b>	<b>3.454.856.973.562</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>5.383.639.889</b>	<b>19.921.683.133</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>3.097.445.727.716</b>	<b>3.434.935.290.429</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>2.232.972.093.529</b>	<b>2.593.804.999.350</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>864.473.634.187</b>	<b>841.130.291.079</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.514.020.569	33.060.651.045
Chi phí tài chính	22	26	20.623.219.469	18.399.232.571
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.262.766.855</i>	<i>18.078.537.177</i>
Chi phí bán hàng	25	27	17.218.272.083	33.302.429.275
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	38.875.429.486	45.633.939.151
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>798.270.733.718</b>	<b>776.855.341.127</b>
Thu nhập khác	31		14.680.080	71.579.755
Chi phí khác	32		6.866.402.123	615.875.336
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.851.722.043)</b>	<b>(544.295.581)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>791.419.011.675</b>	<b>776.311.045.546</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>120.785.908.465</b>	<b>110.468.773.556</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>(7.143.069.443)</b>	<b>28.864.960.510</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang sang trang tiếp theo)</b>	<b>60</b>		<b>677.776.172.653</b>	<b>636.977.311.480</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang từ trang trước sang)	<b>60</b>		<b>677.776.172.653</b>	<b>636.977.311.480</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		680.820.068.832	639.923.996.596
Cổ đông không kiểm soát	62		(3.043.896.179)	(2.946.685.116)
<hr/>				
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	25.615	24.076
<hr/>				

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng




Đoàn Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>791.419.011.675</b>	<b>776.311.045.546</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	81.905.162.296	84.498.964.696
Các khoản dự phòng	03	1.131.130.269	5.870.332.736
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(565.943.443)	45.468.280
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(8.396.088.393)	(32.110.667.089)
Chi phí lãi vay	06	19.262.766.855	18.078.537.177
<b>Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>884.756.039.259</b>	<b>852.693.681.346</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(119.507.654.981)	(1.052.394.594.243)
Biến động hàng tồn kho	10	59.851.994.176	(77.334.265)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(62.017.781.156)	(197.858.009.496)
Biến động chi phí trả trước	12	5.731.308.178	9.924.601.088
		<b>768.813.905.476</b>	<b>(387.711.655.570)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.658.104.293)	(17.773.438.883)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.140.550.982)	(100.110.923.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>659.015.250.201</b>	<b>(505.596.018.229)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.497.431.734)	(13.764.016.981)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	191.478.015	-
Tiền chi đầu tư khác	23	-	(100.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư khác	24	-	100.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.847.733.869	35.808.758.641
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.458.219.850)</b>	<b>22.044.741.660</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	2019 VND	2018 VND
-------	-------------	-------------

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ các khoản vay	33	1.359.631.943.583	1.685.424.184.115
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.356.872.668.079)	(1.749.938.463.151)
Tiền trả cổ tức	36	(637.666.728.000)	(1.752.597.119.200)
<hr/>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(634.907.452.496)</b>	<b>(1.817.111.398.236)</b>
<hr/>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>22.649.577.855</b>	<b>(2.300.662.674.805)</b>
<hr/>			
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>195.173.528.412</b>	<b>2.495.714.686.629</b>
<hr/>			
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>565.213.443</b>	<b>121.516.588</b>
<hr/>			
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>218.388.319.710</b>	<b>195.173.528.412</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:




Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Đoàn Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 1 công ty con (1/1/2019: Tập đoàn có 1 công ty con). Chi tiết thông tin của công ty con được trình bày như sau:

Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
			31/12/2019	1/1/2019
Công ty Cổ phần Café De Nam	Sản xuất đồ uống và thương mại	Lô đất C I.III-3+5+7, KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	85%	85%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 286 nhân viên (1/1/2019: 327 nhân viên).



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi ra từ giao dịch này tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(ii) Thương hiệu**

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

17

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(i) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(p) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản chi đầu tư khác, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và lãi từ hoạt động tài chính khác.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ từ hoạt động tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập liên quan, các khoản vay và cho vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản thuế thu nhập và các khoản nợ và chi phí, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và thức uống không cồn; và
- Khác.

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>Cà phê và thức uống không cồn VND</b>	<b>Khác (* VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.650.681.396.619	446.764.331.097	3.097.445.727.716
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.917.023.063.486)	(315.949.030.043)	(2.232.972.093.529)
<b>Lợi nhuận gộp của bộ phận</b>	<b>733.658.333.133</b>	<b>130.815.301.054</b>	<b>864.473.634.187</b>
Chi phí bán hàng không thể phân bổ			(17.218.272.083)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không thể phân bổ			(38.875.429.486)
Doanh thu hoạt động tài chính			10.514.020.569
Chi phí tài chính			(20.623.219.469)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>798.270.733.718</b>
Thu nhập khác			14.680.080
Chi phí khác			(6.866.402.123)
Chi phí thuế TNDN			(113.642.839.022)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>677.776.172.653</b>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>Cà phê và thức uống không cồn VND</b>	<b>Khác (* VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	3.144.757.141.491	290.178.148.938	3.434.935.290.429
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(2.398.411.446.927)	(195.393.552.423)	(2.593.804.999.350)
	<hr/>		
Lợi nhuận gộp của bộ phận	746.345.694.564	94.784.596.515	841.130.291.079
			<hr/>
Chi phí bán hàng không thể phân bổ			(33.302.429.275)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không thể phân bổ			(45.633.939.151)
Doanh thu hoạt động tài chính			33.060.651.045
Chi phí tài chính			(18.399.232.571)
			<hr/>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			776.855.341.127
			<hr/>
Thu nhập khác			71.579.755
Chi phí khác			(615.875.336)
Chi phí thuế TNDN			(139.333.734.066)
			<hr/>
Lợi nhuận sau thuế TNDN			636.977.311.480
			<hr/>

(\*) Các khoản khác bao gồm ngũ cốc và các mục khác.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện tại.

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	65.403.819	60.832.637
Tiền gửi ngân hàng	51.322.915.891	15.112.695.775
Các khoản tương đương tiền	167.000.000.000	180.000.000.000
	218.388.319.710	195.173.528.412

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan	1.179.293.309.678	1.071.078.423.369
Phải thu từ bên thứ ba	29.507.901.672	19.418.398.026
	1.208.801.211.350	1.090.496.821.395

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	185.342.466	636.191.781
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.337.656.100	402.000.000
Phải thu khác	513.758.335	101.050.620
	3.036.756.901	1.139.242.401

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Các khoản ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	3.392.741.499	-	4.650.644.930	-
Nguyên vật liệu	152.418.926.814	(225.704.420)	220.485.410.341	(490.497.084)
Công cụ và dụng cụ	8.906.182.488	(764.777.205)	8.002.377.993	(803.522.707)
Thành phẩm	44.679.299.729	-	38.611.580.523	-
Hàng hóa	790.269.574	-	1.292.043.678	-
	<b>210.187.420.104</b>	<b>(990.481.625)</b>	<b>273.042.057.465</b>	<b>(1.294.019.791)</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.294.019.791	1.899.355.887
Tăng dự phòng trong năm	2.737.850.521	4.539.666.486
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.002.643.185)	(5.145.002.582)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(38.745.502)	-
Số dư cuối năm	<b>990.481.625</b>	<b>1.294.019.791</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 990 triệu VND (1/1/2019: 1.294 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng và kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	203.621.464.636	869.578.620.006	3.773.924.475	4.485.955.671	1.081.459.964.788
Tăng trong năm	-	65.500.000	-	-	65.500.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.618.253.159	2.785.846.369	-	8.404.099.528
Thanh lý	-	(597.560.114)	(95.000.000)	-	(692.560.114)
Xóa sổ	(230.442.000)	(206.129.132)	-	-	(436.571.132)
Số dư cuối năm	203.391.022.636	874.458.683.919	6.464.770.844	4.485.955.671	1.088.800.433.070
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	63.239.819.651	416.813.046.977	3.080.319.092	3.636.179.151	486.769.364.871
Khấu hao trong năm	10.790.599.508	67.497.039.181	526.042.824	150.159.219	78.963.840.732
Thanh lý	-	(451.409.573)	(80.882.203)	-	(532.291.776)
Xóa sổ	(198.436.162)	(206.129.132)	-	-	(404.565.294)
Số dư cuối năm	73.831.982.997	483.652.547.453	3.525.479.713	3.786.338.370	564.796.348.533
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	140.381.644.985	452.765.573.029	693.605.383	849.776.520	594.690.599.917
Số dư cuối năm	129.559.039.639	390.806.136.466	2.939.291.131	699.617.301	524.004.084.537

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 272.352 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 171.785 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Thương hiệu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.304.073.640	876.285.239	2.180.358.879
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.112.406.973	319.586.378	1.431.993.351
Khấu hao trong năm	100.000.000	123.710.856	223.710.856
Số dư cuối năm	1.212.406.973	443.297.234	1.655.704.207
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	191.666.667	556.698.861	748.365.528
Số dư cuối năm	91.666.667	432.988.005	524.654.672

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.004 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 1.004 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019 VND</b>	
Số dư đầu năm		4.330.935.678
Tăng trong năm		9.837.770.521
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(8.404.099.528)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(4.065.030.590)
Số dư cuối năm		1.699.576.081
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Máy móc và thiết bị	1.699.576.081	4.252.190.419
Khác	-	78.745.259
	1.699.576.081	4.330.935.678

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	14.500.369.469	8.059.201.622	22.559.571.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.065.030.590	4.065.030.590
Phân bổ trong năm	(402.788.040)	(5.499.727.459)	(5.902.515.499)
Số dư cuối năm	14.097.581.429	6.624.504.753	20.722.086.182

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Dự phòng đầu tư vào công ty con	7.000.000.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.958.371	5.430.327
Chi phí phải trả khác	2.912.127.500	2.772.586.101
	9.921.085.871	2.778.016.428

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Lợi thế thương mại**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	27.176.107.031
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	7.020.494.329
Khấu hao trong năm	2.717.610.708
Số dư cuối năm	9.738.105.037
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	20.155.612.702
Số dư cuối năm	17.438.001.994

**15. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2019</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Phải trả bên thứ ba	207.911.753.470	277.026.442.205
Phải trả các bên liên quan	87.363.639.140	74.353.729.636
	<b>295.275.392.610</b>	<b>351.380.171.841</b>

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/hoàn lại VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.870.890.625	120.785.908.465	(91.140.550.982)	-	66.516.248.108
Thuế giá trị gia tăng	5.778.028.469	290.721.700.200	(109.114.314.601)	(171.900.494.080)	15.484.919.988
Thuế thu nhập cá nhân	222.622.994	4.775.696.954	(4.728.896.147)	(106.285.505)	163.138.296
Thuế xuất nhập khẩu	-	30.810.865.224	(30.810.865.224)	-	-
Thuế khác	-	14.373.979.105	(14.373.979.105)	-	-
	42.871.542.088	461.468.149.948	(250.168.606.059)	(172.006.779.585)	82.164.306.392



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng và lương tháng 13	12.126.269.277	17.217.272.100
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	4.490.134.598	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	4.106.578.778	8.252.754.279
Chi phí lãi vay phải trả	2.336.062.822	1.731.400.260
Chi phí kho vận	1.057.947.193	-
Chi phí gia công	826.373.453	6.793.863.741
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	89.600.000	929.553.800
Chi phí khác	2.588.805.749	3.805.543.779
	<hr/>	<hr/>
	27.621.771.870	38.730.387.959
	<hr/>	<hr/>

**18. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khác cho một bên liên quan	1.963.086.273	-
Cổ tức phải trả	1.884.690.000	1.652.178.000
Ký quỹ ngắn hạn	289.442.500	1.217.744.908
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	199.196.539	258.019.603
Các khoản phải trả khác	871.934.045	717.057.328
	<hr/>	<hr/>
	5.208.349.357	3.844.999.839
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn	279.450.000	95.089.961
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	342.647.365.332	1.359.631.943.583	(1.356.872.668.079)	345.406.640.836

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	5,35% - 5,40%	345.406.640.836	342.647.365.332

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập Đoàn không có khoản vay nào quá hạn bao gồm gốc và lãi.

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	260.832.034.286	(4.891.746.196)	765.216.729.005
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	639.923.996.596	(2.946.685.116)	636.977.311.480
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	900.756.030.882	(7.838.431.312)	1.402.194.040.485
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	680.820.068.832	(3.043.896.179)	677.776.172.653
Cổ tức (**)	-	-	-	(637.899.240.000)	-	(637.899.240.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	943.676.859.714	(10.882.327.491)	1.442.070.973.138

(\*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(\*\*) Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2019 đã quyết định chi trả cổ tức bằng tiền là 637.899.240.000 VND (2018: Không).

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		29.974.241.968		29.974.241.968

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	11.736.000	6.710.676.000
Từ 2 đến 5 năm	10.854.000	-
	22.590.000	6.710.676.000

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	1.638.521	37.866.230.016	392.617	9.085.157.380

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	7.973.760.744	1.696.074.234
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.983.051.375	4.784.490.643
	10.956.812.119	6.480.564.877

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.081.334.271.244	3.447.209.327.953
▪ Doanh thu khác	21.495.096.361	7.647.645.609
	3.102.829.367.605	3.454.856.973.562
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	17.641.525.885
▪ Hàng bán bị trả lại	5.383.639.889	2.280.157.248
	5.383.639.889	19.921.683.133
Doanh thu thuần	3.097.445.727.716	3.434.935.290.429

### 24. Giá vốn hàng bán

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	2.188.336.665.022	2.571.988.164.718
▪ Giá vốn khác	41.936.323.488	17.277.168.146
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.699.105.019	4.539.666.486
	2.232.972.093.529	2.593.804.999.350

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư khác	8.396.884.554	32.110.667.089
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.078.313.615	949.983.956
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.038.822.400	-
	10.514.020.569	33.060.651.045

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	19.262.766.855	18.078.537.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	566.767.814	320.695.394
Chi phí tài chính khác	793.684.800	-
	20.623.219.469	18.399.232.571

**27. Chi phí bán hàng**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	7.114.534.585	20.316.411.808
Chi phí kho vận	5.627.053.584	6.802.047.136
Chi phí nhân viên	2.284.631.101	2.404.767.940
Chi phí bán hàng khác	2.192.052.813	3.779.202.391
	17.218.272.083	33.302.429.275

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	24.407.560.735	27.192.193.355
Phân bổ lợi thế thương mại	2.717.610.708	2.717.610.708
Phí quản lý	480.000.000	1.440.000.000
Chi phí nghiên cứu và phát triển	1.137.967.242	1.258.460.384
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	607.671.787	374.132.571
Thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	443.104.774	130.828.475
Chi phí khác	9.081.514.240	12.520.713.658
	<hr/>	<hr/>
	38.875.429.486	45.633.939.151
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.891.571.830.098	2.208.918.688.020
Chi phí nhân viên	98.601.594.026	106.354.544.362
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.905.162.296	84.498.964.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.412.992.185	218.129.603.689
Chi phí khác	49.574.216.493	54.839.567.009
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	134.776.678.111	111.952.272.092
Dự phòng thừa trong các năm trước	(13.990.769.646)	(1.483.498.536)
	<hr/> 120.785.908.465	<hr/> 110.468.773.556
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(6.875.651.764)	29.237.499.890
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(267.417.679)	(372.539.380)
	<hr/> (7.143.069.443)	<hr/> 28.864.960.510
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<hr/> 113.642.839.022	<hr/> 139.333.734.066

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	791.419.011.675	776.311.045.546
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	158.283.802.335	155.262.209.109
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(267.417.679)	(372.539.380)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	543.522.140	543.522.140
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.947.554.121	3.450.466.028
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với dự án đầu tư mở rộng	(22.420.752.890)	(18.740.980.231)
Dự phòng thừa trong các năm trước	(13.990.769.646)	(1.483.498.536)
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận (*)	(13.453.099.359)	674.554.936
	<hr/> 113.642.839.022	<hr/> 139.333.734.066

(\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế của công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó. Lỗ tính thuế của công ty con phụ thuộc vào việc xem xét của cơ quan thuế và chưa được quyết toán.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tiên (2005 đến 2016) vì Công ty là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước trước năm 2006. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005 đến 2007) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo (2008 đến 2014). Toàn bộ các ưu đãi về thuế nêu trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác và thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng, theo đó các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường.

Công ty được cấp Giấy phép Đầu tư số 47221000778 ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Nhà máy sản xuất Cà phê Biên Hòa II tại Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (“Nhà máy Long Thành”). Theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất, lợi nhuận tính thuế từ Nhà máy Long Thành sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường và được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên Nhà máy Long Thành có thu nhập chịu thuế (2014 đến 2015); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 đến 2019).

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất có thể là đáng kể.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm là 680.820.068.832 VND (2018: 639.923.996.596 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 26.579.135 (2018: 26.579.135), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	680.820.068.832	639.923.996.596

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	26.579.135	26.579.135

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.615	24.076

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>				
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Hàng tiêu dùng Masan</b>				
Mua hàng hóa	109.866.842.707	74.469.308.876	-	-
Bán hàng hóa	2.709.136.387.454	2.963.763.118.610	1.055.405.027.473	1.071.066.087.409
Bán dịch vụ	128.438.345.000	-	123.797.050.300	-
<b>Công ty mẹ</b>				
<b>Công ty TNHH</b>				
<b>Một Thành viên</b>				
<b>Masan Beverage</b>				
Cổ tức	628.275.240.000	-	-	-
<b>Các bên liên quan</b>				
<b>Công ty TNHH</b>				
<b>Một Thành viên</b>				
<b>Công nghiệp Masan</b>				
Bán hàng hóa	1.136.560.920	564.149.809	10.502.415	6.999.300
Mua hàng hóa	618.910.612	584.980.796	(182.793.171)	(383.094.650)
Mua dịch vụ	28.714.697.366	23.787.314.567	(9.378.428.200)	(10.005.161.483)
Phí quản lý	480.000.000	1.440.000.000	-	(1.584.000.000)
Bán tài sản cố định	155.544.481	-	-	-
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Nước khoáng Vĩnh Hảo</b>				
Bán hàng hóa và dịch vụ	20.042.719.830	36.471.500	-	-
Mua hàng hóa	135.225.318.819	195.937.259.989	(37.487.475.792)	(28.134.478.637)
Mua dịch vụ	74.163.238.704	98.671.200.000	(42.278.028.250)	(34.246.994.866)
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Nước khoáng Quảng Ninh</b>				
Bán hàng hóa	-	748.179.122	-	3.096.660
<b>Công ty TNHH</b>				
<b>Một Thành viên</b>				
<b>Masan HD</b>				
Bán hàng hóa	6.690.909	135.635.332	3.360.000	-

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty Cổ phần Masan PQ</b>				
Bán hàng hóa	-	5.186.821	-	-
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG</b>				
Bán hàng hóa	70.335.900	-	77.369.490	-
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB</b>				
Bán hàng hóa	18.429.305.391	98.666.428	-	2.240.000
Mua hàng hóa	51.700.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution</b>				
Bán hàng hóa	-	4.632.673	-	-
Mua hàng hóa	60.557.727	140.672.046	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao	7.067.379.527	4.790.589.872	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với các điều khoản giao dịch thông thường.

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng



Đoàn Quốc Hưng  
Tổng Giám đốc